

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 16-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.
2. Ông Nguyễn Tấn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Kiều D**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, khóm Y, phường Z, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ nơi làm việc cuối cùng: Đội Cảnh sát hỗ trợ TP – Công an huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng - ấp M, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2020 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Đặng Thị Kiều D trình bày:

Ngày 05/10/2018 ông Huỳnh Văn L hỏi mượn của bà số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để trả nợ đáo hạn Ngân hàng, thời hạn là 07 ngày (từ ngày 05/10/2018 đến ngày 12/10/2018) sẽ trả đủ số tiền mượn. Do chỗ quen biết và ông L đang công tác tại Công an huyện Thanh T nên bà tin tưởng cho mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất, khi nhận tiền ông L có viết biên nhận đề ngày 05/10/2018 và giao cho bà giữ. Khi đến hạn bà có gọi điện để đòi tiền thì

ông L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả tiền. Vào ngày 11/10/2019 ông L có trả bà 50.000.000 đồng tiền lãi và vào khoảng tháng 11 năm 2019 ông L có gửi 20.000.000 đồng tiền lãi cho chồng bà nhận. Sau đó bà liên tục gọi điện để đòi tiền nhưng ông L tránh mặt, không trả. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả số tiền còn nợ vốn 500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi, mức lãi suất 20%/năm, tính lãi kể từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/01/2020 là 15 tháng, tiền lãi là $(500.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\% \times 15 \text{ tháng} - 70.000.000 \text{ đồng})$ 54.950.000 đồng, yêu cầu ông L tiếp tục trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa bà thay đổi một phần nội dung khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi trên số vốn gốc còn nợ 500.000.000 đồng, tính từ ngày 15/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, mức lãi suất theo quy định pháp luật, sau khi tính lãi đồng ý căn trừ số tiền 70.000.000 đồng ông L đã trả vào tiền lãi, yêu cầu ông L tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

Bị đơn ông Huỳnh Văn L vắng mặt không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà D số tiền còn nợ 500.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời điểm nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông L đang công tác tại Công an huyện Thạnh T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Quá trình Tòa án thông báo thụ lý vụ án đến nay ông L không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành hòa giải được. Bị đơn vắng mặt, không tham gia tố tụng đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi mức lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 15/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà D khởi kiện đòi bị đơn ông L trả số tiền vay mượn 500.000.000 đồng vào ngày 05/10/2018, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là 01 biên nhận đề ngày 05/10/2018 thể hiện nội dung: “Tôi tên Huỳnh Văn L, sinh năm 1987,...nay tôi có mượn tiền của chị D số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng trong thời gian 7 ngày tôi sẽ trả lại chị D số tiền trên”. Bà D trình bày biên nhận trên là do ông L viết giao cho bà giữ sau khi bà đã đưa ông L đủ số tiền 500.000.000 đồng. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông L không có ý kiến phản đối chứng cứ của nguyên đơn.

[2.2] Xét chứng cứ Tòa án thu thập thấy rằng, tại biên bản làm việc ngày 29/8/2019 do Công an huyện Thanh T cung cấp theo yêu cầu của Tòa án đã thể hiện nội dung, Công an có nhận được đơn yêu cầu của bà Đặng Thị Kiều D nội dung đồng chí Huỳnh Văn L có mượn của bà D số tiền 500.000.000 đồng, yêu cầu đ/c L phải trả số tiền trên. Tại phần trình bày của ông L trong biên bản đã thể hiện: “Xác nhận có mượn nợ của bà D số tiền là 500.000.000 đồng đồng thời đồng ý phương án trả tiền cho bà D là đến ngày 7/9/2019 trả số tiền 250.000.000đ đến ngày 7/10/2019 sẽ trả số tiền còn lại là 250.000.000đ”. Và tại Công văn số 103/CAH ngày 08/7/2020 của Công an huyện Thanh T V/v trả lời yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án, thể hiện nội dung: “Ngày 22/7/2019 Công an huyện Thanh T có nhận Phiếu chuyển đơn số 86/PC-PX05, ngày 18/7/2019 của Thanh tra Công an tỉnh Sóc T về việc chuyển đơn của bà Đặng Thị Kiều D, nội dung đơn bà D trình bày ngày 05/10/2018 đồng chí Huỳnh Văn L – cán bộ Công an huyện Thanh T có mượn của bà D số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và hứa 07 ngày sau sẽ trả lại nhưng đến nay không trả. Bà D đã nhiều lần gặp đ/c L để đòi tiền tuy nhiên đ/c L hứa hẹn hết lần này đến lần khác. Bà D đề nghị cơ quan có biện pháp để đ/c L trả tiền. Kèm theo đơn là giấy viết tay (bản phô tô) biên nhận nợ của đ/c L. Qua làm việc đ/c L thừa nhận có mượn bà D số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng nhưng do phát sinh một số vấn đề ngoài ý muốn nên chưa trả lại cho bà D. Ngày 29/8/2019 sau khi làm việc, trao đổi giữa đ/c L và bà D hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau: Đến ngày 07/9/2019 đ/c L sẽ trả cho bà D 250.000.000 đồng, một tháng sau ngày 07/10/2019 sẽ trả tiếp 250.000.000 đồng còn lại là kết thúc. Tuy nhiên, đ/c L không thực hiện theo đúng nội dung cam kết trả nợ, chỉ trả cho bà D 50.000.000 đồng, đồng thời tiếp tục để phát sinh thêm nhiều đơn thư tố cáo việc vay mượn tiền không trả...”.

[2.3] Xét thấy, từ những căn cứ nêu trên đã thể hiện ông L có vay mượn bà D số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 05/10/2018 và đến nay chỉ trả được cho bà D số tiền 70.000.000 đồng như bà D trình bày là sự thật. Nên bà D yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu tính lãi, tại phiên tòa bà D yêu cầu tính lãi trên vốn gốc còn nợ 500.000.000 đồng theo mức lãi suất pháp luật quy định kể từ ngày 15/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 16/9/2020, sau khi tính lãi

đồng ý trừ 70.000.000 đồng ông L đã trả vào tiền lãi. Xét thấy, việc bà D cho ông L vay tiền tuy hai bên không thỏa thuận lãi suất. Nhưng ông L đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông L phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất bằng 10%/năm. Lãi được tính như sau: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 18 \text{ ngày}$ (từ ngày 15/10/2018 đến ngày 01/11/2019 – ngày ông L trả tổng số tiền 70.000.000 đồng – được lấy ngày 01/11/2019 do nguyên đơn không nêu rõ ngày cụ thể) = 52.290.000 đồng. Số tiền ông L đã trả 70.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019 được trừ vào tiền lãi 52.290.000 đồng = 17.710.000 đồng, số tiền 17.710.000 đồng dư ra được trừ tiếp vào vốn 500.000.000 đồng, như vậy kể từ ngày 01/11/2019 ông L còn nợ vốn 482.290.000 đồng. Số vốn còn nợ được tiếp tục tính lãi cụ thể: $482.290.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} \times 15 \text{ ngày}$ (từ ngày 02/11/2019 đến ngày 16/9/2020 – ngày xét xử sơ thẩm) = 42.031.573 đồng. Như vậy, ông L phải có nghĩa vụ trả lãi cho bà D số tiền 42.031.573 đồng.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D, buộc bị đơn ông L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ 524.321.573 đồng, trong đó vốn 482.290.000 và lãi 42.031.573 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kiều D về việc đòi bị đơn ông Huỳnh Văn L trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Kiều D tổng số tiền còn nợ 524.321.573 đồng (năm trăm hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi một nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng), trong đó vốn 482.290.000 đồng (bốn trăm tám mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) và lãi 42.031.573 đồng (bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 24.972.862 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Kiều D tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.099.000 đồng (mười ba triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009924 ngày 22/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp